

Số: 226/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

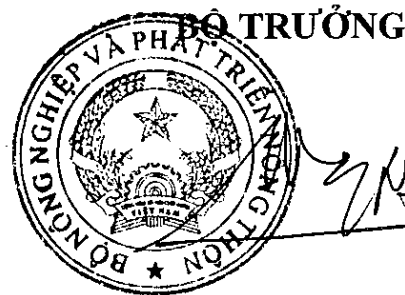
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Khối CS Bộ tại TP. HCM;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Đoàn TNCS HCM Bộ NN& PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH.



Nguyễn Xuân Cường

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2017 CỦA CHÍNH PHỦ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 226/QĐ-BNN-KH
ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 01 tháng 01 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

Năm 2017 là năm then chốt thực hiện Kế hoạch phát triển 5 năm (2016 - 2020) ngành nông nghiệp và PTNT và các Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Năm 2017 được dự báo có nhiều thuận lợi, cơ hội cho tăng trưởng, phát triển, như nền kinh tế tiếp tục phục hồi, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; nhưng đồng thời cũng sẽ có nhiều khó khăn, thách thức do sự phục hồi chậm của kinh tế thế giới và chiều hướng bảo hộ sẽ ảnh hưởng nhiều mặt đến phát triển kinh tế đất nước; chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp... Trong nông nghiệp, những khó khăn, thách thức được dự báo vẫn còn rất lớn đến từ những khó khăn yếu kém nội tại của một nền sản xuất nhỏ, trình độ thấp; biến đổi khí hậu gây nên nhiều hình thái thời tiết cực đoan (bão, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn,...); thị trường nông sản thế giới và trong nước cạnh tranh ngày càng gay gắt, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường; cân đối ngân sách cho Bộ và ngành thấp hơn nhiều so với nhu cầu; chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng là những điểm nghẽn cản trở sự tăng trưởng, phát triển của ngành... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch của ngành đề ra.

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2017 là: *Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.*

Phm

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt khoảng 2,5 - 2,8%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt 3,0 - 3,2%.
- Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 32 - 32,5 tỷ USD.
- Sản lượng lúa đạt khoảng 44,89 triệu tấn.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,4%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 90%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt khoảng 28 - 30%.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. **Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế cả nước**

Ngay trong Quý I/2017, hoàn thành việc rà soát Đề án tái cơ cấu, xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 tại Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội theo hướng cơ cấu lại sản xuất theo 3 nhóm sản phẩm: (1) *Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia* (những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu từ 1,0 tỷ USD trở lên và thịt lợn, gia cầm), tiến hành rà soát quy hoạch và xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; (2) *Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh*, các địa phương căn cứ lợi thế và điều kiện cụ thể, lựa chọn nhóm sản phẩm này để quy hoạch và đầu tư theo hướng như đối với nhóm sản phẩm quốc gia nhưng quy mô cấp địa phương; có chiến lược và giải pháp để từng bước mở rộng quy mô, sức cạnh tranh để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia (3) *Nhóm sản phẩm vùng/miền* là đặc sản của các địa phương, có chỉ dẫn địa lý cụ thể, nhưng có quy mô nhỏ, sẽ được xây dựng và phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới ở xã theo mô hình “Mỗi làng, xã một sản phẩm”.

Định hướng nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau:

1.1 **Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất**

(1) *Trồng trọt*: Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát diện tích lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn (ngô, rau màu, có thể cả cây ăn trái) và sang nuôi trồng thủy sản, nhất là ở các địa phương khó khăn về nguồn nước như miền núi phía Bắc, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long chuyển cơ cấu sản xuất từ Lúa - Trái cây - Thủy sản sang Thủy sản - Trái cây - Lúa; phát triển mạnh cây ăn quả, các loại rau, hoa theo hướng công nghệ cao. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới, năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Duy trì tốt công tác phòng chống sâu bệnh trên cây trồng.

- *Cây lương thực*: Tập trung nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản xuất lúa gạo thông qua tăng cường sử dụng giống lúa chất lượng và giá trị thương mại cao

bằng các biện pháp thâm canh đồng bộ. Tổng diện tích gieo trồng lúa khoảng 7,69 triệu ha, năng suất bình quân 58,3 tạ/ha, sản lượng đạt 44,89 triệu tấn. Nỗ lực đổi mới với hạn hán, nắng nóng ngay từ vụ Đông Xuân để bảo đảm sản xuất, tận dụng cơ hội về thị trường. Mở rộng diện tích ngô lên 1,18 triệu ha, tăng 80 ngàn ha so với năm 2016, sản lượng 5,4-5,5 triệu tấn. Duy trì diện tích sắn 550 ngàn ha, hướng dẫn nông dân đầu tư thâm canh tăng năng suất, giảm chi phí, đồng thời tránh làm suy thoái đất và giảm phát thải khí nhà kính.

- *Cây công nghiệp: Đối với cà phê:* Giảm dần diện tích, đặc biệt ở những vùng khó khăn về nước tưới để ổn định diện tích 600 ngàn ha vào năm 2020; tái canh, ghép cải tạo khoảng 15 ngàn ha... *Đối với cao su:* Theo dõi sát diễn biến giá trên thị trường để có biện pháp kỹ thuật chăm sóc, khai thác mù hợp lý; chỉ đạo các địa phương đánh giá, giảm dần diện tích cao su tại những vùng đất không phù hợp. *Đối với chè:* Giữ ổn định diện tích 132 ngàn ha, năng suất lên 88 tấn/ha, sản lượng trên 1 triệu tấn; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ trồng thay thế các diện tích chè trồng hạt sang các giống chè mới theo hướng chế biến chè xanh chất lượng cao. *Đối với cây điều:* Ổn định diện tích khoảng 300 ngàn ha, năng suất đạt 1,4 tấn/ha; tiếp tục trồng tái canh và ghép cải tạo đối với diện tích điều già cỗi, sâu bệnh nhiều, giống không đạt yêu cầu. *Đối với cây hồ tiêu:* Giám sát và quản lý phát triển sản xuất; các địa phương đánh giá, rà soát để điều chỉnh quy hoạch hồ tiêu phù hợp, bền vững.

- *Rau, hoa và cây ăn quả:* Diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 1,07 triệu ha, sản lượng đạt 16,4 triệu tấn, tăng 2,5% so với năm 2016. Tập trung thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng các loại trái cây có thị trường tiêu thụ; nâng diện tích cây ăn quả lên khoảng 860 ngàn ha (trồng mới 15.000 ha). Mỗi địa phương lựa chọn phát triển cây ăn quả lợi thế thành vùng hàng hóa quy mô lớn. Phát triển sản xuất rau, hoa công nghệ cao, quy mô lớn tập trung ở các vùng ven đô, các thành phố lớn. Đẩy mạnh sản xuất theo hướng GAP, bảo đảm an toàn thực phẩm và thực hiện rải vụ thu hoạch trái cây, đặc biệt là 5 loại trái cây chủ lực vùng Nam Bộ (thanh long, xoài, sầu riêng, chôm chôm, nhãn).

(2) *Chăn nuôi:* Tập trung cải tạo giống và nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi; chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình công nghiệp và bán công nghiệp. Tiếp tục phát triển giống vật nuôi chất lượng cao phục vụ sản xuất; ưu tiên nhập khẩu giống tốt, chọn tạo đàn giống thích hợp cho mỗi vùng sinh thái; tiếp tục cải tạo nâng cao tầm vóc đàn bò, nạc hóa đàn lợn; lai tạo và công bố một số tổ hợp lai gà thả vườn có năng suất, chất lượng cao, chi phí thức ăn thấp, lựa chọn và phát triển các giống gà đặc sản gắn với từng vùng miền; phổ biến rộng rãi các giống thủy cầm lai chuyên thịt hoặc chuyên trứng... Nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến, có kiểm soát theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014.

- Phân đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ 5,2-5,5%; sản lượng thịt hơi các loại 5,33 triệu tấn; sản xuất 17,2 triệu tấn thức ăn gia súc công nghiệp quy đổi; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn gia súc, trọng tâm là quản lý các chất chính và chất cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.

- Tập trung chỉ đạo các biện pháp giám sát, chủ động phòng chống dịch bệnh; tổ chức kiểm soát ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia

cầm, sản phẩm chăn nuôi qua biên giới; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; xây dựng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

(3) *Thủy sản*: Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu và hướng dẫn người dân về các giải pháp kỹ thuật, tổ chức nuôi trồng thủy sản. Các địa phương có vùng nuôi lớn hướng dẫn người nuôi tuân thủ quy trình kỹ thuật phù hợp để hạn chế thiệt hại và khai thác lợi thế có thể chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng tăng cường nuôi trồng thủy sản trong điều kiện hạn, mặn; duy trì ổn định diện tích và sản lượng tôm Sú, cá tra; tiếp tục phát triển nuôi tôm Thẻ chân trắng và các đối tượng nuôi khác theo lợi thế của từng vùng và nhu cầu thị trường; tăng cường phòng chống dịch bệnh. Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản phần đầu tăng 2,2 - 2,6%; sản lượng đạt 6,85 triệu tấn; kim ngạch xuất khẩu trên 7,3 tỷ USD.

Giữ ổn định diện tích nuôi cá tra khoảng 5.100 ha, nâng cao chất lượng và tổ chức liên kết chuỗi giá trị; ổn định diện tích nuôi tôm nước lợ khoảng 700 ngàn ha, sản lượng 660 nghìn tấn, nâng cao năng suất của gần 200 ngàn ha nuôi tôm lúa; phát triển nuôi cá rô phi thâm canh trong ao ở Đồng bằng Bắc Bộ, nuôi lồng bè ở Nam Bộ; phát triển nuôi nhuyễn thể và các loại thủy sản khác phù hợp với từng vùng, miền và thị trường.

- Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tăng cường đầu tư thiết bị bảo quản chế biến trên tàu khai thác, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch. Hướng dẫn địa phương xây dựng các mô hình đồng quản lý, mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế các nghề xâm hại nguồn lợi và môi trường. Phát huy và củng cố vai trò của các làng nghề ngư nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo các Nghị định của Chính phủ: số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; thực hiện tốt các giải pháp, chính sách khuyến khích, hỗ trợ ngư dân khai thác, đánh bắt hải sản. Tiếp tục hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại khôi phục sản xuất; thúc đẩy khai thác xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Tiếp tục tăng cường công tác thú y thủy sản; thực hiện các biện pháp cấp bách kiểm soát tồn dư hóa chất kháng sinh trong sản xuất, xuất khẩu thủy sản; tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc kháng sinh đảm bảo an toàn thực phẩm...

(4) *Lâm nghiệp*: Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng để tăng độ che phủ rừng lên 41,45%; nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, tăng năng lực cung cấp gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư; tăng cường công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các vi phạm. Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp khoảng 6,2- 6,5%; kim ngạch xuất khẩu lâm sản (kể cả lâm sản ngoài gỗ) 7,2-7,3 tỷ USD.

- Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng; nghiêm túc thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi làm thủy điện và mục đích khác. Thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 và các chính sách hỗ trợ phát triển khác đã được ban hành.

(5) *Diêm nghiệp*: Triển khai các giải pháp cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa các đồng muối, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng muối công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành muối, cải thiện thu nhập cho diêm dân. Ổn định diện tích sản xuất muối đã quy hoạch là 15.000 ha, sản lượng muối khoảng 1,5 triệu tấn. Đẩy mạnh sản xuất muối cung cấp cho ngành công nghiệp hóa chất, chế biến muối iốt; đồng thời, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân.

(6) *Phát triển công nghiệp chế biến NLTS*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tổn thất sau thu hoạch; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng; đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp; đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng, nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ.

Phát triển công nghiệp phụ trợ, tận dụng triệt để các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất; phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao hiệu quả sản xuất; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm đối với từng ngành.

1.2 Rà soát, sửa đổi bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng thể, đồng bộ về quy hoạch, kế hoạch, cơ cấu sản xuất cây trồng, vật nuôi... thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, nhất là ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 để phục vụ cơ cấu lại ngành, gắn với xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn, giám sát các địa phương triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trong điều kiện biến đổi khí hậu đến nhanh và mạnh hơn các dự báo trước đây.

Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện quy hoạch sản xuất gắn với lợi thế và nhu cầu thị trường, kết hợp quy hoạch ngành, vùng, lãnh thổ với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị để xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư. Phối hợp kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo quy định.

1.3 Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ

- Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển mạnh các khu, vùng nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao. Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; ứng dụng sâu rộng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chỉ đạo tập trung theo các hướng xây dựng bộ giống quốc gia về cây trồng, vật nuôi để có thể sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, được lựa chọn xây dựng thương hiệu quốc gia. Thực hiện Đề án đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngành giai đoạn 2016 - 2020.

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường sự kết nối giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp; thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; hình thành các Trung tâm khoa học công nghệ cho các vùng trọng điểm nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; chuyển giao một số dịch vụ công trong khoa học cho doanh nghiệp thực hiện. Thực hiện việc phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp.

- Tập trung hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

1.4 Tiếp tục tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng. Đổi mới và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả

- Về công tác quản lý doanh nghiệp: Tiếp tục triển khai các đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước được phê duyệt. Thực hiện sắp xếp doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo tiêu chí và danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016. Thực hiện kế hoạch thoái vốn đầu tư nhà nước một cách công khai, minh bạch theo cơ chế thị trường, bán hết những doanh nghiệp không cần nắm giữ. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ; kiên quyết xử lý các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp: Tiếp tục chủ trì triển khai thực hiện và phối hợp kiểm tra, đôn đốc, giám sát các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch và các Phương án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 và trên cơ sở quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ phương; đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản: Hoàn thiện chính sách khuyến khích liên kết sản xuất nông nghiệp; phát triển sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất

kinh doanh. Tổng kết, tuyên truyền và nhân rộng các hình thức hợp tác, liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản ra toàn quốc.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác. Tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; kiên quyết giải thể các hợp tác xã tồn tại hình thức, không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả trong thời gian dài. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ quản lý nông nghiệp về hợp tác xã; hỗ trợ địa phương xây dựng mô hình hợp tác xã theo cụm liên kết, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển hợp tác xã... Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

- Về phát triển ngành dịch vụ trong nông nghiệp và đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập: Đẩy mạnh quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 theo hướng giảm dần sự bao cấp của Nhà nước, tăng tự chủ về kinh phí; tăng chất lượng cung cấp dịch vụ công, bảo đảm hiệu quả các hoạt động; hoàn thành xác định giá trị và giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định; thực hiện hạch toán như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015. Triển khai Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020. Thực hiện các giải pháp để phát triển nhanh các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp hàng hóa.

1.5 Cơ cấu lại đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, các công trình có khả năng hoàn thành trong năm 2017

- Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư thông qua điều chỉnh các ưu tiên đầu tư và phương thức đầu tư theo định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác lập dự án đầu tư, công tác đấu thầu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công, xây dựng; chống thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước; phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng để dự án kết thúc đúng tiến độ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành chấp hành pháp luật về chương trình, dự án đầu tư công:

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Hoàn thành phân bổ, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017; chấm dứt nợ đọng xây dựng cơ bản, khắc phục đầu tư dàn trải. Tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2016 - 2020.

1.6 Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

- Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và

thông tin thị trường để kịp thời định hướng tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản; đổi mới phương thức thu thập, phân tích thông tin, dự báo thị trường, đặc biệt là những thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, EU, Trung Quốc... Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam theo Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015.

- Cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác và diễn biến của từng thị trường để xây dựng chiến lược phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng giá trị gia tăng cao. Tổ chức lực lượng để hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

- Phát triển mạnh thị trường trong nước, hệ thống bán lẻ gắn với tiêu thụ hàng nông sản. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng; nâng cao hiệu quả hoạt động hội chợ, triển lãm với sự tham gia của cộng đồng. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối các sản phẩm nông sản thực phẩm sạch, an toàn. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng sản xuất. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng phát triển thương hiệu lớn, có uy tín, gắn với chỉ dẫn địa lý; quảng bá sản phẩm.

- Xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm các qui định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

a) Rà soát và triển khai đồng bộ các quy định về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực cho phát triển ngành

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là chính sách đất đai, tín dụng, thương mại, thuế, bảo hiểm nông nghiệp và chính sách thu hút nguồn lực xã hội cho nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực Bộ quản lý, phù hợp với Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả kiểm tra chuyên ngành đối với nông sản, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí. Tham gia ý kiến đối với dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2017/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017; số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Tăng cường thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế Hải quan quốc gia một cửa - một lần dừng.

Handwritten signature

b) Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp (bao gồm cả đầu tư trong và ngoài nước). Đánh giá tổng kết và tham gia đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách liên quan để tăng cường thu hút đầu tư tư nhân cả trong và ngoài nước vào nông nghiệp, nông thôn. Phát huy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư phát triển, nhất là xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn. Thúc đẩy các hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Thông tư hướng dẫn của Bộ. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh, có năng lực cạnh tranh cao, tham gia mạng sản xuất, kinh doanh và chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nhất là nhóm các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, khoa học công nghệ và đầu tư ra nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển ngành. Thu hút đầu tư có lựa chọn, bảo đảm hài hòa cả lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường, kiên quyết không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế. Tạo điều kiện để đối tác nước ngoài liên kết với các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và vật tư nông nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh nông sản hàng hóa. Xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực.

3. Tập trung phát triển nông thôn, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn

3.1 Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 đồng bộ từ Trung ương xuống cơ sở. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan Chủ trương trình và nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

- Hoàn thiện các chuyên đề đào tạo, tập huấn hiện có theo hướng cập nhật kịp thời thông tin, tăng cường trang bị kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là cấp xã, thôn, bản. Triển khai xây dựng

các mô hình về phát triển sản xuất gắn với Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tại một số địa phương, nhất là các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của từng vùng, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt nông thôn; mô hình cung cấp nước sinh hoạt... cho các vùng miền núi, vùng đồng bằng, vùng ven biển, xã đảo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình, nhất là về chất lượng công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cũng như vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản. Rà soát, xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình; xây dựng kế hoạch, lộ trình xử lý dứt điểm nợ đọng trước năm 2019.

3.2 Giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội

- Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị quyết số 76/2014/QH13. Tham gia thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1722/QĐ - TTg ngày 02/9/2016 và các chương trình mục tiêu về an sinh xã hội. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, nhất là tại các xã nghèo, huyện nghèo. Trình Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp để giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (chủ trì phụ trách từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới), các địa phương thực hiện có kết quả, hiệu quả tốt các tiêu chí về văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, môi trường, thông tin, truyền thông...

- Lồng ghép thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; hỗ trợ các xã, thôn, bản vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; kết hợp chính sách phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực biên giới, biển đảo.

3.3 Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

- Triển khai thực hiện các giải pháp chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 (Năm 2017, bố trí sắp xếp ổn định dân cư với 15.500 hộ). Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do theo Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bố trí dân cư biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- Tập trung thực hiện ổn định đời sống, sản xuất của người dân các cụm, tuyến dân cư vượt lũ, vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai. Chủ trì thẩm định Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3.4 Phát triển ngành nghề nông thôn

- Thực hiện Quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với quy hoạch xử lý môi trường. Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề, xây dựng kế hoạch trung về giải quyết môi trường các cơ

sở này theo từng địa phương, vùng và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện các mô hình mỗi làng một nghề, một cây, một con. Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

4. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tập trung cải cách, hoàn thiện thể chế để phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp

- Triển khai xây dựng và hoàn thiện các Luật, Pháp lệnh và các Nghị định, Quyết định, Thông tư theo đúng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2017 (theo Kế hoạch riêng được phê duyệt). Tập trung xây dựng và trình Quốc hội khóa 14 xem xét thông qua Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Thủy sản. Tập trung rà soát lại các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý ngành, loại bỏ các văn bản, quy định không còn phù hợp và điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.

- Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là các luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan đến Bộ, ngành được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

- Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường trong nông nghiệp. Tổ chức tổng kết tính hiệu quả của các mô hình thực tiễn, rút ra bài học về tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp. Chủ động phối hợp đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đất đai, theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, tháo gỡ nút thắt “hạn điền”, phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp.

b) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, hợp tác sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên quốc gia; bảo vệ môi trường sinh thái; cơ bản nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng hưởng thụ cho cư dân nông thôn.

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác. Nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông, lâm, thủy sản, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành. Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản, bao gồm các nội dung đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão, phát triển hạ tầng Giống thủy sản, hạ tầng Nuôi trồng thủy sản. Đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất

nông lâm nghiệp, các dự án, công trình cung cấp dịch vụ công và tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm, kiểm ngư.

- Rà soát hệ thống các công trình đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình thủy lợi. Tiếp tục củng cố, nâng cấp để điều phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và kết hợp giao thông, quốc phòng, an ninh... Tu bổ để điều thường xuyên hướng ưu tiên đầu tư vào những công trình trọng điểm, nguy cơ mất an toàn cao; tạo điều kiện phát triển dân sinh, kinh tế khu vực được đề điều bảo vệ.

c) **Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành**

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung quy hoạch các cơ sở giáo dục và đào tạo, quy hoạch đội ngũ giáo viên và hệ thống cơ sở vật chất phục vụ. Sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp công lập. Tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nâng cao trách nhiệm giải trình của các Trường; kiểm soát chất lượng đầu ra, kiểm định chất lượng giáo dục, trên cơ sở đó thực hiện phân tầng, xếp hạng các cơ sở giáo dục. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo. Khuyến khích thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

Đổi mới chương trình đào tạo của các trường nghề thuộc Bộ theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ hơn với thực tế, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư cho các Trường thuộc Bộ, trong đó ưu tiên kinh phí đầu tư cải thiện phòng học, thư viện, nhà vệ sinh. Ưu tiên đầu tư các trường đào tạo nghề chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN và thế giới. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của các Trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nông dân theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015. Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Gắn đào tạo nghề với thúc đẩy chuyển giao công nghệ mới và quy trình sản xuất mới cho nông dân.

- Thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực và Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành đã được phê duyệt; kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực bộ máy quản lý ngành theo Nghị định mới thay thế Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ và các Thông tư: số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015, số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015.

5. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tăng

cường năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm để tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng nông sản; giải quyết tốt hơn những bức xúc của xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng.

- Tổ chức thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2016 - 2020... Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình phát triển chuỗi sản phẩm an toàn. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn.

- Triển khai các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011; thống kê, kiểm tra phân loại, tái kiểm tra các cơ sở loại C và xử lý vi phạm, trong đó tập trung vào các nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, an toàn thực phẩm như phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; cơ sở sản xuất rau ăn lá, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, cơ sở sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản... Tăng cường kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015; kiểm soát chặt chẽ các lô hàng nông sản nhập khẩu; phối hợp với các lực lượng chức năng duy trì kiểm soát ngăn chặn gia súc gia cầm nhập lậu, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thanh tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định.

6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tham gia thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; trong đó tập trung khắc phục hiệu quả hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long; tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào cho sản xuất; tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lợi, tài nguyên. Kiên quyết không chấp thuận đầu tư, cấp phép, triển khai các dự án không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản; phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực quan trắc thực canh và cảnh báo thiên tai ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại¹.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp về sử dụng đất đúng mục đích phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng tiết kiệm, không bỏ

¹ Hoàn thành dự án đầu tư "Xây dựng hệ thống thực canh, cảnh báo thiên tai, đa mục tiêu" tại 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương¹ và các dự án vốn vay ODA. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009.

đất hoang, không làm ô nhiễm, thoái hóa đất; canh tác đúng kỹ thuật, thực hiện luân canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

- Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng và quỹ đất được quy hoạch; phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hải sản cho từng vùng biển ven bờ, từng nghề; phát triển các mô hình đồng quản lý nghề cá; xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường. Hình thành hệ thống các khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh; hạn chế khai thác quá mức vùng ven bờ.

- Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao. Triển khai các giải pháp cấp bách; đồng thời, nghiên cứu các giải pháp về lâu dài để hạn chế, khắc phục hậu quả lũ lụt tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

- Nâng cao hiệu quả, nhân rộng thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

7. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Về củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành từ Trung ương đến địa phương: Tập trung làm rõ chức năng, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ nguồn lợi... Thực hiện các giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 05/8/2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2016; thực hiện rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ theo Nghị định mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu bộ máy của Bộ và theo hướng loại bỏ các chức năng, nhiệm vụ không phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành. Xây dựng, thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, chức danh ngạch công chức, chức danh nghề

nghiệp viên chức và chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc ngành. Quản lý chặt chẽ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; hoàn thiện và tổ chức thực hiện Đề án vị trí việc làm, hệ thống chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức; thực hiện đề bạt cán bộ chủ yếu dựa trên thành tích, kết quả công việc. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ, trách nhiệm của người đứng đầu; phân công đúng người, đúng việc, tạo môi trường công tác tốt để phát huy năng lực, sở trường của cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện công vụ. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức tiêu cực, nhiều, không chấp hành kỷ luật, kỷ cương.

- *Về cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở:* Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015, tiếp tục rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và công bố công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục. Thực hiện Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 và Kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016.

Hoàn thiện các dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ cao trên Cổng thông tin điện tử của Bộ; thủ tục kết nối hải quan một cửa quốc gia nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí.

- *Cải cách tài chính công:* Tăng cường bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi. Đồng thời, có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi; tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết. Tiếp tục thực hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công; thực hiện đổi mới cơ chế giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện tốt những quy định của Luật Đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công năm 2017. Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngoài thực hiện những quy định của Luật Ngân sách và những văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện đổi mới cơ chế giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị, thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp.

- *Tăng cường hợp tác quốc tế:* Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày

05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Tổ chức phổ biến các Hiệp định thương mại song phương (FTA), đa phương đã ký, hướng dẫn các doanh nghiệp, người dân biết và khai thác, biến cơ hội thành lợi ích thực sự, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả tại các thị trường đã có FTA. Tăng cường các hoạt động đàm phán mở cửa thị trường, cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác để hướng dẫn các doanh nghiệp có phản ứng phù hợp, kịp thời. Chủ động triển khai những giải pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng rào kỹ thuật, bảo đảm nhu cầu và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước theo quy định của pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

- Triển khai đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/1014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 3/01/2014 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 về minh bạch tài sản, thu nhập.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của luật pháp; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của BCH Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

9. Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

- Tăng cường năng lực công tác thống kê, dự báo và truyền thông đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành. Tổ chức tốt việc thực hiện hợp tác, phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê với Tổng cục Thống kê theo Quy chế đã ký kết năm 2016. Tổ chức xây dựng, triển khai "Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ"; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, bao gồm quản lý hành chính, quản lý sản xuất, quản lý chiến lược - kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và tài nguyên. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành để kết nối từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách. Triển khai Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 về

phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016 - 2020.

- Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong toàn ngành. Xây dựng kế hoạch truyền thông về xây dựng nông thôn mới năm 2017; phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020.

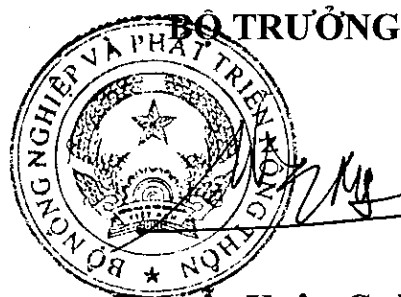
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình duyệt kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: longtg.kh@mard.gov.vn trước ngày 15 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ./.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)



Nguyễn Xuân Cường

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện
Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế
hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 226/QĐ-BNN-KH ngày 09/01/2017)

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
I. Cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng					
1.	Xây dựng, trình Bộ Chính trị dự thảo Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới	Vụ Kế hoạch	Văn phòng Ban cán sự Đảng Bộ; Văn phòng ĐP Nông thôn mới Trung ương	Chỉ thị của Bộ Chính trị	Tháng 2/2017
2.	Xây dựng Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 tại Nghị quyết số 24/2016/QH14	Vụ Kế hoạch	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển NN, NT; các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	Quý I/2017
3.	Rà soát các Đề án/Kế hoạch tái cơ cấu các chuyên ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn	Các TC, các Cục: TT, CN, CB NLTS và NM, KTHT và PTNT; các Vụ: KHCCN và MT, TCCB	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Quyết định của Bộ phê duyệt Đề án/Kế hoạch (điều chỉnh)	Quý II/2017
4.	Xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những nông sản chủ lực quốc gia (sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu từ 1,0 tỷ USD trở lên và thịt lợn, gia cầm)	Các Tổng cục: LN, TS; các Cục: TT, CN, CBNLTS và NM	Vụ Kế hoạch; các Cục: KTHT và PTNT, QLCL NLS và TS; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch	2017 - 2018
5.	Phát triển các sản phẩm trồng trọt trong nhóm nông sản quốc gia phục vụ cơ cấu lại ngành	Cục Trồng trọt	Vụ Kế hoạch; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ	Tháng 3, 5/2017

Handwritten signature

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
6.	Phát triển các sản phẩm thủy sản trong nhóm nông sản quốc gia phục vụ cơ cấu lại ngành	Tổng cục Thủy sản	Vụ Kế hoạch; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo Ban cán sự Đảng Bộ	Tháng 3/2017
7.	Xây dựng Chương trình tổng thể phát triển tôm nước lợ theo hướng từng bước hình thành ngành công nghiệp sản xuất tôm với công nghệ cao và tôm sinh thái hiệu quả và phát triển bền vững	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ phê duyệt Chương trình	Tháng 12/2017
8.	Xây dựng Đề án khung sản phẩm quốc gia “Sản phẩm cá da trơn chất lượng cao và sản phẩm chế biến từ cá da trơn”	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ phê duyệt Đề án	Tháng 12/2017
9.	Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW (khóa XII) về đổi mới mô hình tăng trưởng	Vụ Kế hoạch	Các đơn vị có liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo Quyết định phê duyệt KHHĐ của Bộ	Quý I/2017
10.	Hoàn thành các nhiệm vụ, Đề án Chính phủ giao cho Bộ năm 2017 tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 ¹ và Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 ²	Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT		Các Quyết định: số 3540/QĐ-BNN-KH, 26/8/2016; số 3640/QĐ-BNN-KH, 05/9/2016
11.	Hoàn thiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp	Cục Chế biến NLTS và NM	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Nghị định thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg	Quý IV/2017
12.	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012	Vụ Kế hoạch	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Quyết định của TTgCP phê duyệt quy hoạch	Quý III/2017
13.	Hoàn thành rà soát quy hoạch thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp	Tổng cục Thủy lợi	Vụ Kế hoạch	Báo cáo kết quả rà soát trình Bộ trưởng	Quý III/2017

¹ về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

² về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Handwritten signature

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
14.	Đề xuất cơ chế, chính sách phát triển KHCN phục vụ phát triển NN, nhất là các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (bao gồm cả doanh nghiệp NN ứng dụng công nghệ cao)	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Các Vụ: Kế hoạch, Pháp chế; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo tổng hợp trình Bộ trưởng	Quý II/2017
15.	Xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho ngành giai đoạn 2016 - 2020.	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Khoa học Công nghệ và MT; các Viện, Trường thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	Quý II/2017
16.	Xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP (theo Kế hoạch năm 2017)	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Các Quyết định phê duyệt/công bố của Bộ	Quý IV/2017
17.	Hoàn thiện chính sách Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Nghị định sửa đổi Nghị định số 02/2010/NĐ-CP	Quý II/2017
18.	Sắp xếp doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo tiêu chí và danh mục theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Doanh nghiệp thuộc Bộ theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch triển khai	Quý I/2017
19.	Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII) về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ ban hành CTHĐ	Tháng 8/2017
20.	Thực hiện cơ cấu lại từng nông, lâm trường quốc doanh	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Công ty nông, lâm nghiệp	Quyết định của TTgCP	Theo Phương án TTgCP phê duyệt
21.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả quản lý, sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ Pháp chế	NĐ sửa đổi NĐ số 118/2014/NĐ-CP	Quý I/2017
22.	Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản. Xây dựng Đề án Đổi mới và phát triển HTX nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Vụ: Kế hoạch, Pháp chế. Bộ Kế hoạch và ĐT (chủ trì sửa đổi NĐ 193/2013/NĐ-CP)	NĐ sửa đổi NĐ số 193/2013/NĐ-CP. QĐ của TTgCP duyệt ĐA	Quý IV/2017

Handwritten signature
3

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
23.	Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch, Viện CS và CL phát triển NN, NT	Nghị định thay thế Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg	Quý II/2017
24.	Hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch, Viện CS và CL PT NN, NT	Nghị định của Chính phủ	Quý I/2017
25.	Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý II/2017
26.	Hoàn thành phân loại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ TCCB; các đơn vị sự nghiệp công lập	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Quý I/2017
27.	Đổi mới cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thành xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp	Vụ Tài chính	Các Vụ: KHCN và MT, TCCB, Kế hoạch; các đơn vị liên quan	Các Quyết định giao TSNN cho ĐVSN công lập	Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính
28.	Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 theo định hướng cơ cấu lại ngành	Vụ Kế hoạch	Cục Quản lý XDCT; các Tổng cục, Cục, Vụ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo hàng tháng, quý, năm (giao ban tháng, họp Chính phủ)	Theo kế hoạch đầu tư công năm 2017
29.	Kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 -2020	Vụ Kế hoạch	Cục QL xây dựng công trình; Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị	Báo cáo trình Ban cán sự Đảng Bộ	Tháng 02/2017
30.	Thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030	Cục Chế biến NLTS và NM	Trung tâm XTTM nông nghiệp; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện của Bộ năm 2017	Theo kế hoạch năm 2017
31.	Thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam; triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam	Cục Chế biến NLTS và NM	Trung tâm XTTM nông nghiệp; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện của Bộ năm 2017	Theo thời gian thực hiện Đề án

Handwritten signature
4

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
32.	Hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm	Cục Chế biến NLTS và NM	Vụ KHCN và MT; các Tổng cục:LN, TS; các Cục: TT, CN	Báo cáo trình Bộ trưởng	Thường xuyên
II. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp					
33.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện lĩnh vực Bộ quản lý	Vụ Pháp chế	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Kế hoạch; các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2017
34.	Nâng cao hiệu quả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Các Cục: Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý chất lượng NLS và thủy sản; Tổng cục Thủy sản	Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính)	Báo cáo trình Bộ trưởng	Theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015
35.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2017/NQ-CP và số 35/NQ-CP ³ ngày 16/5/2016	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Tổng cục, Cục, Vụ được phân công	Các báo cáo của Bộ để Bộ báo cáo Chính phủ	Theo Kế hoạch hành động của Bộ
36.	Chiến lược thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp (bao gồm cả đầu tư trong và ngoài nước)	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ Kế hoạch; Viện Chiến lược phát triển NN, NT	Quyết định của TTgCP phê duyệt Chiến lược	Quý II/2017
37.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (đầu tư tư nhân cả trong và ngoài nước)	Vụ Kế hoạch	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Tài chính, Hợp tác quốc tế. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 210/2013/NĐ-CP	Quý II/2017
38.	Thúc đẩy các hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực nông nghiệp	Vụ Kế hoạch	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông tư của Bộ trưởng	Quý I/2017

³ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
39.	Triển khai Chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Bộ và VCCI giai đoạn 2016 - 2020 về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Kế hoạch	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, TCCB; Cục Chế biến NLTS và NM; Viện CS và CL phát triển NN, NT; các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch thực hiện	Quý I/2017
40.	Thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Kế hoạch, HTQT và các đơn vị	Quyết định của Bộ ban hành CTHĐ	Tháng 9/2017
III. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới					
41.	Hoàn thành các nhiệm vụ năm 2017 trong Kế hoạch của Bộ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 và theo chỉ đạo của TTgCP, Trưởng BCD các CT MTQG	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; VP ĐP NTM các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình	Quyết định số 4168/QĐ-BNN-VPĐP ngày 13/10/2016
42.	Xây dựng Kế hoạch, lộ trình xử lý dứt điểm nợ đọng trước năm 2019	Văn phòng ĐP NTM TW	Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; VP ĐP NTM các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Kế hoạch của Bộ báo cáo TTgCP và BCD các Chương trình MTQG	Quý II/2017
43.	Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Trung tâm QG Nước sạch và VSMTNT; Văn phòng ĐP NTM Trung ương	Kế hoạch của Bộ thực hiện Chiến lược	Quý I-II/2017
44.	Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp để giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Pháp chế. Bộ Lao động Thương binh và XH	Nghị định của Chính phủ	Quý I/2017

Hmb

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
45.	Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chính sách và giải pháp ổn định dân cư tự do theo Chi thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Ủy ban Dân tộc. Các địa phương có liên quan	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Quý II/2017
46.	Điều chỉnh Quy hoạch bố trí dân cư biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch; các địa phương có biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc	Quyết định của TTgCP	Quý III/2017
47.	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích mỗi làng một nghề, một sản phẩm, gắn với xây dựng nông thôn mới	Văn phòng ĐP NTM Trung ương	Các Cục: Chế biến, NLTS và NM, KTHT và PTNT	Kế hoạch thực hiện thí điểm tại một số địa phương	II/2017
48.	Hoàn thiện chính sách phát triển ngành nghề nông thôn	Cục Chế biến, NLTS và Nghề muối	Vụ Pháp chế; Cục Kinh tế hợp tác và PTNT. Bộ Tư pháp	Nghị định sửa đổi Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006	Quý II/2017
IV. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành					
49.	Hoàn thành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL của Bộ năm 2017. Trong đó, tập trung xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Thủy sản, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi	Vụ Pháp chế; các TC: Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thủy sản; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi	Các đơn vị có liên quan	Các Luật, Pháp lệnh và các Nghị định, Quyết định, Thông tư	Theo Kế hoạch riêng được phê duyệt
50.	Tổng kết các mô hình thực tiễn về tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, phát triển mô hình HTX kiểu mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Vụ: Kế hoạch, Pháp chế, QLDN. Viện CS và CL PT NN, NT	Báo cáo trình TTgCP	Quý II/2017
51.	Phối hợp đề xuất sửa đổi Luật Đất đai theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp	Vụ Kế hoạch	Viện CS và CL phát triển NN, NT; Bộ Tài nguyên và MT	Báo cáo Dự án Luật sửa đổi Luật Đất đai	Quý I- III/2017

Handwritten signature
7

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
52.	Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại	Các Tổng cục, các Cục chuyên ngành	Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ Kế hoạch; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các dự án đầu tư theo Kế hoạch đầu tư công năm 2017	Theo tiến độ Kế hoạch đầu tư công năm 2017
53.	Đề án tổng thể đề xuất các giải pháp đảm bảo thoát lũ, hạn chế thiệt hại tại những khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt ở miền Trung	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	Quý III-IV/2017
54.	Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Vụ: Khoa học Công nghệ và MT, Tài chính; các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt Quy hoạch	Quý IV/2017
55.	Đề án Quản lý nông nghiệp và PTNT cấp xã giai đoạn 2016 - 2025	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị có liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	Quý IV/2017
56.	Đề án Thành lập các trường đại học thủy sản	Vụ Tổ chức cán bộ	Tổng cục Thủy sản; các đơn vị có liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	Quý IV/2017
57.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với giải quyết việc làm, phục vụ tái cơ cấu ngành	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Trung tâm Khuyến nông QG; các Viện, Trường; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo các Quyết định: số 1956/QĐ-TTg; 27/11/2009; số 971/QĐ-TTg, 01/7/2015
58.	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả năm 2017	Theo Đề án của Bộ được duyệt
V. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm					
59.	Tăng cường năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Cục Quản lý chất lượng NLS và TS	Tổng cục Thủy sản; các Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả tháng, quý, 6 tháng, năm 2017	Theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
60.	Triển khai thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2016 - 2020	Các Tổng cục: TS, LN; các Cục	Cục Quản lý chất lượng NLS và TS; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý I/2017
61.	Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát để phát hiện, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định	Thanh tra Bộ	Cục QL CL NLS và TS; Thanh tra chuyên ngành các TC, các Cục	Báo cáo kết quả Thanh tra, kiểm tra	Theo Kế hoạch thanh tra chuyên ngành
VI. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường					
62.	Đề án nâng cao năng lực Quốc gia về phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	Quý III/2017
63.	Khắc phục hiệu quả hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long	Tổng cục Thủy lợi	Văn phòng BCĐ PCTN; các đơn vị liên quan; các địa phương	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo chỉ đạo của TTgCP
64.	Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”	Tổng cục Thủy lợi	Văn phòng BCĐ PCTN; các đơn vị liên quan; các địa phương	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009
65.	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp cơ sở hạ tầng NLTS; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo các Chương trình, Đề án, Dự án
66.	Theo dõi, đánh giá, dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Các Bản tin dự báo và kế hoạch sử dụng nước	Định kỳ
67.	Quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng	Vụ Quản lý doanh nghiệp; Tổng cục Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp; các địa phương có liên quan	Báo cáo kết quả năm 2017 của Bộ gửi CP để trình Quốc hội	Theo Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13

Handwritten signature and number 9

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
68.	Xử lý các vụ việc phát sinh trên biển và hợp tác khai thác, chế biến hải sản; hài hòa hóa các quy phạm với các tiêu chuẩn quốc tế khác	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; các địa phương	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Quý IV/2017
69.	Nâng cao hiệu quả, nhân rộng thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo các ND: số 99/2010/ND-CP, 147/2016/ND-CP
70.	Thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Cục Chế biến NLTS và NM	Cục KTHT và PTNT; Văn phòng ĐP NTM Trung ương; các địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện của Bộ gửi TTgCP, Bộ TN và MT	Quý IV/2017
VII. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước					
71.	Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ theo Nghị định mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu bộ máy của Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ	Các Quyết định của Bộ trưởng	Quý I, II/2017
72.	Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTN. Bộ Nội vụ	Quyết định của Bộ ban hành KHHD thực hiện Nghị quyết	Tháng 10/2017
73.	Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ	Theo Đề án vị trí việc làm của Bộ được duyệt
74.	Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 và Chỉ thị số 8362/CT-BNN-TCCB ngày 04/10/2016	Các đơn vị thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016	Thường xuyên

Handwritten signature

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
75.	Triển khai Kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VP Chính phủ	Theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016
76.	Xây dựng nền hành chính hiện đại; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg	Vụ Tổ chức cán bộ	Trung tâm Tin học và thống kê; các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VP Chính phủ	Theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2017
77.	Tăng cường bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính công, quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi.	Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Tài chính	Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính
78.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 ⁴	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Kế hoạch; các đơn vị thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo thực hiện Nghị quyết gửi các Bộ: Ngoại giao, Công thương và VPCP	Theo Quyết định phê duyệt KHHD của Bộ thực hiện Nghị quyết
79.	Nâng cao hiệu quả vận động tài trợ quốc tế cho ngành; tăng cường các hoạt động đàm phán mở cửa thị trường; triển khai những giải pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng rào kỹ thuật	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	Hàng quý
VIII. Thanh tra, kiểm tra; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng					
80.	Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ; các Sở NN và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2017 gửi TTraCP	Theo Kế hoạch của Bộ năm 2017
81.	Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2017 gửi Thanh tra Chính phủ	Theo Kế hoạch của Bộ năm 2017

⁴ về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Handwritten signature

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
IX. Công tác thống kê; thông tin, tuyên truyền					
82.	Tăng cường năng lực công tác phân tích, dự báo; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý ngành	Trung tâm Tin học và Thống kê	Các Tổng cục, Cục, Vụ; Viện Chính sách và CL phát triển NN, NT	Kế hoạch của Bộ	Quý III/2017
83.	Hợp tác, phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê	-Trung tâm Tin học và Thống kê; - Vụ Kế hoạch	Các Tổng cục, Cục	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế năm 2017 của Bộ	Theo Quy chế đã ký kết năm 2016
84.	Đẩy mạnh phong trào thi đua “Toàn ngành nông nghiệp và PTNT chung sức thực hiện cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2017 - 2020	Vụ Tổ chức cán bộ	Hội đồng TĐKT Bộ; các đơn vị thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, Ban Thi đua Khen thưởng TW	Năm 2017 và theo Kế hoạch sơ kết, tổng kết thi đua

Handwritten signature